

Số: 120/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về giao dự toán thu ngân sách Nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 15/STC-NSNN ngày 03/01/2018 về việc công khai dự toán ngân sách năm 2018 của tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018 (các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Lưu : VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



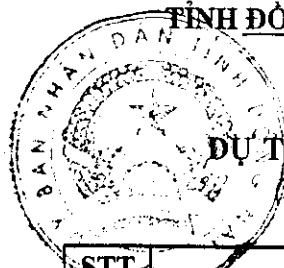
Nguyễn Quốc Hùng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 20 /QĐ-UBND ngày 11 /01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	26,003,608
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	20,998,193
1	Thu NSDP được hưởng 100%	6,194,000
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	14,804,193
II	Thu bổ sung từ NSTW	4,707,215
1	Thu bổ sung cân đối	4,707,215
2	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-
IV	Thu kết dư	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
VI	Thu bội chi ngân sách	298,200
B	TỔNG CHI NSDP	26,003,608
I	Tổng chi cân đối NSDP	21,296,393
1	Chi đầu tư phát triển	7,246,060
2	Chi thường xuyên	12,166,043
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	119,000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910
5	Dự phòng ngân sách	419,960
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,342,420
II	Chi các chương trình mục tiêu	4,707,215
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	4,707,215
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	298,200
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	298,200
1	Vay để bù đắp bội chi	298,200
2	Vay để trả nợ gốc	

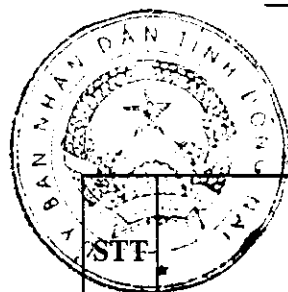


**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 120 /QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	
I	Nguồn thu ngân sách	20,691,337
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	15,984,122
2	Thu bổ sung từ NSTW	4,707,215
-	Thu bổ sung cân đối	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	4,707,215
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-
4	Thu kết dư	-
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
II	Chi ngân sách	15,386,324
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	10,081,311
2	Chi bổ sung cho ngân sách huyện	5,305,013
-	Chi bổ sung cân đối	4,829,239
-	Chi bổ sung có mục tiêu	475,774
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP	298,200
B	NGÂN SÁCH HUYỆN (BAO GỒM NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ)	
I	Nguồn thu ngân sách	10,319,084
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	5,014,072
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	5,305,013
-	Thu bổ sung cân đối	4,829,239
-	Thu bổ sung có mục tiêu	475,774
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	10,319,084



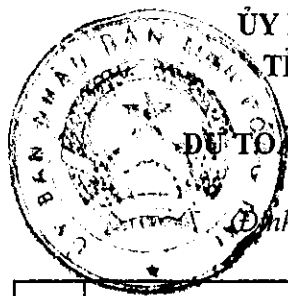
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	53,849,000	20,998,193
I	Thu nội địa	38,349,000	20,998,193
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	3,060,000	1,597,200
-	Thuế giá trị gia tăng	1,879,500	883,365
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	500	235
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	880,000	413,600
-	Thuế tài nguyên	300,000	300,000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	3,186,000	1,550,420
-	Thuế giá trị gia tăng	1,225,000	575,750
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1,051,000	493,970
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	810,000	380,700
-	Thuế tài nguyên	100,000	100,000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	15,600,000	7,361,640
-	Thuế giá trị gia tăng	4,840,000	2,274,800
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	230,000	100,110
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,459,000	4,915,730
-	Thuế tài nguyên	7,000	7,000
-	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	64,000	64,000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,885,000	2,335,700
-	Thuế giá trị gia tăng	3,280,000	1,541,600
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	30,000	14,100
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,500,000	705,000
-	Thuế tài nguyên	75,000	75,000
5	Thuế thu nhập cá nhân	5,190,000	2,439,300
6	Thuế bảo vệ môi trường	360,000	62,933
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
7	Lệ phí trước bạ	1,100,000	1,100,000
8	Thu phí, lệ phí	430,000	275,000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
-	Phí và lệ phí trung ương		
-	Phí và lệ phí địa phương		
-	Phí và lệ phí huyện		
-	Phí và lệ phí xã, phường		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	55,000	55,000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	500,000	500,000
12	Thu tiền sử dụng đất	1,500,000	1,500,000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	3,000	3,000
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1,454,000	1,454,000
	(Chi tiết theo sắc thuế)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	140,000	133,000
16	Thu khác ngân sách	770,000	515,000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	16,000	16,000
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	100,000	100,000
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15,500,000	
IV	Thu viện trợ		



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Biểu số 49/CK-NSNN

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ
CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018**

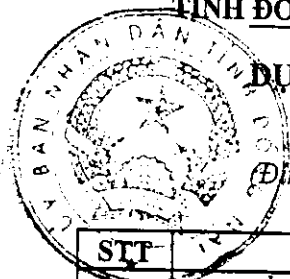
Đính kèm Quyết định số 120 /QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	CHIA RA	
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26,003,608	15,684,524	10,319,084
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	21,296,393	10,977,309	10,319,084
I	Chi đầu tư phát triển	7,246,060	4,608,930	2,637,130
1	Chi đầu tư cho các dự án	6,947,860	4,310,730	2,637,130
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1,500,000	600,000	900,000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1,454,000	1,058,226	395,774
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
4	Bội chi ngân sách	298,200	298,200	
II	Chi thường xuyên	12,166,043	5,219,805	6,946,238
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4,813,279	1,454,233	3,359,046
2	Chi khoa học và công nghệ	110,403	110,403	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	119,000	119,000	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910	2,910	
V	Dự phòng ngân sách	419,960	219,581	200,379
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1,342,420	807,083	535,337
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	4,707,215	4,707,215	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	4,707,215	4,707,215	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 50/CK-NSNN



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	5,305,013
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	10,977,309
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	4,608,930
1	Chi đầu tư cho các dự án	4,310,730
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
4	Bội chi ngân sách	298,200
II	Chi thường xuyên	5,219,805
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,454,233
2	Chi khoa học và công nghệ	110,403
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1,112,996
4	Chi văn hóa thông tin	99,742
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	93,266
7	Chi bảo vệ môi trường	181,698
8	Chi các hoạt động kinh tế	878,401
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	611,128
10	Chi bảo đảm xã hội	329,563
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	119,000
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,910
V	Dự phòng ngân sách	219,581
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	807,083
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 2/QĐ-UBND ngày 10/1/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
A	B	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	4,608,930	5,219,805	119,000	2,910	219,581	807,083	5,305,013
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	4,608,930	5,219,805					
1	Văn phòng HĐND tỉnh	15,767	15,767					
2	Văn phòng UBND tỉnh	151,627	151,627					
3	Sở Tài chính	18,859	18,859					
4	Sở Kế hoạch Đầu tư	15,717	15,717					
5	Sở Nội vụ	98,477	78,477					
6	Sở Ngoại vụ	9,936	9,936					
7	Sở Thông tin Truyền thông	56,420	38,820					
8	Sở Khoa học Công nghệ	179,023	113,023					
9	Sở Công thương	115,298	115,298					
10	Sở Tài nguyên Môi trường	208,921	208,921					
11	Sở Tư pháp	22,038	22,038					
12	Sở Nông nghiệp PTNT	230,057	230,057					
-	Chi cục thủy lợi	7,000	7,000					
13	Sở Giao thông vận tải	326,009	326,009					
14	Sở Y tế	1,061,159	1,049,159					
-	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	87,000	87,000					
-	Bệnh viện Nhi Đồng Nai	25,000	25,000					
-	Bệnh viện Quân y 7B	18,000	18,000					
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	236,984	226,984					

 $\angle$

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ đự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
16	Sở Xây dựng	12,468		12,468					
17	Sở Lao động TBXH	425,561	50,000	375,561					
18	Sở Giáo dục đào tạo	691,872		691,872					
19	Thanh tra tỉnh	10,214		10,214					
20	Công an tỉnh	121,697	70,500	51,197					
21	Cảnh sát PCCC	26,150	15,000	11,150					
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	286,297	160,000	126,297					
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh	59,990	30,000	29,990					
24	Đại học Đồng Nai	166,075	71,000	95,075					
25	Trường Chính trị tỉnh	30,619		30,619					
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai	26,371		26,371					
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai	24,073		24,073					
28	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao	24,841	12,000	12,841					
29	Nhà thiếu nhi tỉnh	3,053		3,053					
30	Ban Quản lý các KCN	19,298		19,298					
31	Ban Dân tộc	19,178		19,178					
32	Ban Quản lý KCN công nghệ sinh học	27,398		27,398					
33	Tỉnh Ủy	95,000		95,000					
-	<i>Văn phòng Tỉnh ủy</i>	18,300	<i>18,300</i>						
-	<i>Ban Tôn giáo</i>	5,000	<i>5,000</i>						
34	Hội chữ thập đỏ	3,770		3,770					
35	Hội người mù	1,037		1,037					
36	Hội cựu thanh niên xung phong	1,089		1,089					
37	Hội nạn nhân chất độc da cam	934		934					
38	Hội người cao tuổi	1,198		1,198					
39	Hội chiến sĩ cánh măng bị địch bắt, tù đày	1,448		1,448					
40	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ	398		398					
41	UBMT Tổ quốc tỉnh	17,529	8,600	8,929					
42	Tỉnh đoàn	24,992	12,000	12,992					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
43	Hội phụ nữ	6,538		6,538					
44	Hội nông dân	25,561	12,000	13,561					
45	Hội cựu chiến binh	3,765		3,765					
46	Hội nhà báo	937		937					
47	Hội văn học nghệ thuật	2,356		2,356					
48	Liên minh Hợp tác xã	5,862		5,862					
49	Hội Luật gia	1,178	556	622					
50	Liên hiệp các hội KHKT	6,949		6,949					
51	Hội khuyến học	1,671		1,671					
52	Hội sinh viên	1,359		1,359					
53	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4,496		4,496					
54	<i>Dự phòng</i>	693,547		693,547					
55	CHI KHÁC	164,000		164,000					
56	UBND huyện Trảng Bom	10,000	10,000						
57	UBND huyện Thống Nhất	76,650	76,650						
58	UBND thành phố Biên Hòa	36,500	36,500						
59	UBND thị xã Long Khánh	59,500	59,500						
60	UBND huyện Vĩnh Cửu	153,264	153,264						
61	UBND huyện Định Quán	162,538	162,538						
62	UBND huyện Tân Phú	164,300	164,300						
63	UBND huyện Cẩm Mỹ	56,400	56,400						
64	UBND huyện Long Thành	52,000	52,000						
65	UBND huyện Xuân Lộc	72,200	72,200						
66	UBND huyện Nhơn Trạch	41,921	41,921						
67	Ban QLDA tỉnh	1,511,383	1,511,383						
68	Khu bảo tồn văn hóa Đồng Nai	34,123	34,123						
69	Báo Đồng Nai	9,600	9,600						
70	Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường	39,500	39,500						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
71	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	78,900	78,900						
72	Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải	30,000	30,000						
73	Ban quản lí di tích tỉnh	20,000	20,000						
74	Trung tâm phát triển quỹ đất	75,054	75,054						
75	Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tỉnh	1,600	1,600						
76	Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai	32,600	32,600						
	Bổ trí vốn thanh toán chi phí lập hồ sơ đối với các dự án được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư	15,000	15,000						
	Nguồn dự phòng thanh toán dự án cầu Hòa An	39,000	39,000						
	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch	20,000	20,000						
	Hoàn trả tạm ứng Kho bạc năm 2010	56,000	56,000						
	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa xã hội	10,000	10,000						
	Hoàn trả vốn vay ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (phần vốn các dự án thuộc trách nhiệm hoàn trả từ ngân sách tỉnh đã giải ngân trong năm 2016)	56,393	56,393						
	Hoàn trả vốn vay Ngân hàng BIDV năm 2017	115,526	115,526						
	Hoàn trả tạm ứng ngân sách trung ương 2010	1,422	1,422						
	Hỗ trợ huyện Tân Phú hoàn thành nông thôn mới năm 2018	100,000	100,000						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ các khoản vay do địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung ngân sách cấp huyện
	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa, hỗ trợ có mục tiêu đối với các địa phương	150,000	150,000						
	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	600,000	600,000						
II	CHI TRẢ NỢ LẠI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	119,000			119,000				
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	2,910				2,910			
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	219,581					219,581		
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	807,083						807,083	
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	5,305,013							5,305,013
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-							

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 52/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TRONG ĐÓ														
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG		BỘI CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH	
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng				
A	B	1	2	3	4	5	6		10		11	13		
	TỔNG SỐ	4,608,930	150,500	526,426	102,900	303,000	157,800	664,550	292,900	413,700	161,356	298,200	374,257	
A	THỰC HIỆN DỰ ÁN	3,445,589	150,500	526,426	102,900	303,000	157,800	664,550	292,900	413,700	161,356	298,200	374,257	
1	UBND huyện Trảng Bom	10,000	-	-	-	-	-	10,000	-	-	-	-		
-	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMDT)	500						500						
-	Xây dựng cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom (ngân sách tỉnh hỗ trợ phần cầu và phần đường dẫn vào cầu có giá trị 9 tỷ đồng)	4,500						4,500						
-	Dự án đường 30 tháng 4 nối dài (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa- chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bằng nguồn ngân sách huyện)	5,000						5,000						
2	UBND huyện Thống Nhất	76,650	-	-	-	-	-	18,650	8,000	-	-	50,000		
-	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	50,000										50,000		

TRONG ĐÓ														
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỆ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH	
								KINH TẾ						
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng				
-	Đường Chu Văn An, Thống Nhất - Định Quán (đường liên huyện - giai đoạn 3; ngân sách huyện chi BTGPMB)	18,650						18,650		8,000				
3	UBND thành phố Biên Hòa	36,500	-	-	-	-	-	3,500	-		-	33,000		
-	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trĩ Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp)	500						500						
-	Đường song hành quốc lộ 1A đoạn tránh ngã tư Amata (Ngân sách thành phố thực hiện BTGPMB)	3,000						3,000						
-	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp khoảng 37 tỷ)	20,000										20,000		
-	Công trình Đất đắp và cây xanh đường Đặng Văn Tron thành phố Biên Hòa	13,000										13,000		
4	UBND thị xã Long Khánh	59,500	-	-	-	-	12,000	10,500	37,000	-	-	-		
-	Nâng cấp tuyến đường Suối Chòn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	500						500						
-	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	10,000						10,000						
-	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	10,000							10,000					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.			
								Sự nghệp giao thông	Sự nghệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng				
-	Hồ chứa nước Cầu Dầu, thị xã Long Khánh	20,000							20,000					
-	Thoát nước lũ xã Xuân Lập	7,000							7,000					
-	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vĩnh	2,000					2,000							
-	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	10,000					10,000							
5	UBND huyện Vĩnh Cửu	153,264	-	-	-	-	-	13,000	-	92,000	-	5,000	43,264	
-	Đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	13,000						13,000						
-	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liên	80,000								80,000				
-	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Mã Đà huyện Vĩnh Cửu	5,500								5,500				
-	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Hiếu Liên huyện Vĩnh Cửu	6,500								6,500				
-	Dự án hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	5,000										5,000		
	Đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh Cửu	15,000											15,000	
	Bồi thường hỗ trợ di dời toàn bộ các hộ dân Khu vực Rang Rang - Be 18, ấp 5, xã Mã Đà ra khỏi khu vực di dời đến khu tái định cư Khu phố 1, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	28,264											28,264	
6	UBND huyện Định Quán	162,538	-	-	-	-	35,000	34,000	68,000	5,000	-	-	20,538	
-	Đường suối Rắc huyện Định Quán	3,500						3,500						

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIAO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÀI ƯNG NGÂN SÁCH
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hàng tăng công cộng			
-	Đường và hệ thống thoát nước trong khu dân cư thị trấn Định Quán	21,000						21,000					
-	Dự án Nâng cấp đường vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% xây lắp 22,5 tỷ đồng)	9,500						9,500					
-	Dự án xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán	5,000								5,000			
-	Tiêu thoát nước cảnh đồng Bàu Kiên xã Thanh Sơn huyện ĐQ	8,000							8,000				
-	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	50,000							50,000				
-	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	10,000							10,000				
-	Nhà thi đấu đa năng huyện Định Quán (NST hỗ trợ 100% xây lắp)	35,000					35,000						
	Hỗ trợ đi dân vùng sát lộ Đồi 112, huyện Định Quán (công văn số 9721/UBND-JT ngày 17/10/2016)	20,538											20,538
7	UBND huyện Tân Phú	164,300	15,000	-	-	-	-	114,300	20,000	-	-	15,000	
-	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An, huyện Tân Phú, (NST hỗ trợ xây lắp)	44,000						44,000					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp - Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
-	Dự án xây dựng đường Nguyễn Thị Định (đường số 3 cũ) kết hợp hệ thống thoát nước khu công nghiệp Tân Phú	30,000							30,000						
-	Cầu Đa-Hoai, huyện Tân Phú	2,300							2,300						
-	Cầu Đa Kai huyện Tân Phú	8,000							8,000						
-	Dự án Xây dựng mới cầu Tà Lài, xã Tà Lài huyện Tân Phú	30,000							30,000						
-	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện thành Trụ sở làm việc Huyện ủy Tân Phú	15,000												15,000	
-	Trạm bơm Bến Thuyền, huyện Tân Phú	5,000									5,000				
-	Xây dựng mới trạm bơm Giang Điền huyện Tân Phú	15,000									15,000				
-	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Tân Phú	15,000	15,000												
8	UBND huyện Cẩm Mỹ	56,400	-	-	-	-	-	-	43,200	11,000	2,200	-	-	-	
-	Đường Long Giao - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)	40,000							40,000						
-	Dự án đường dân sinh và nương thoát lũ dọc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)	3,200							3,200						
-	Hệ thống thoát nước chống ngập úng cục bộ cho khu vực xung quanh bệnh viện huyện Cẩm Mỹ	2,200										2,200			

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
-	Kiên cố hoá Kênh mương đập Cù Nhi	11,000							11,000				
9	UBND huyện Long Thành	52,000	-	-	-	-	-	42,000	10,000	-	-	-	
-	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	42,000						42,000					
-	Dự án Nạo vét và gia cố bờ suối Quán Thui, huyện Long Thành (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	10,000							10,000				
10	UBND huyện Xuân Lộc	72,200	-	-	-	-	8,200	54,000	-	-	-	10,000	
-	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1 A (NSH thực hiện BTGPMB)	20,000						20,000					
-	Nâng cấp mở rộng đường vào núi Chùa Chan (NST hỗ trợ 50% TMDT)	25,000						25,000					
-	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	9,000						9,000					
-	Xây dựng tuyến kênh dẫn nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	10,000										10,000	
-	Dự án Tuyến đường vào cơ sở tiếp nhận, quản lý, cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (cơ sở mới) (NST phần XL 8,3 tỷ, còn lại NSH)	8,200					8,200						
11	UBND huyện Nhơn Trạch	41,921	-	-	-	-	-	-	-	-	17,800	-	24,121
-	Kho lưu trữ dữ liệu chuyên dùng huyện Nhơn Trạch	9,800									9,800		

Page 6

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
-	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Nhơn Trạch	8,000										8,000			
-	dự án Nâng cấp đường số 2 đoạn 2 (đoạn nối dài đến đường 769 -- xã Long Tân) và đoạn 3 (đoạn nối dài đến Hương lộ 19 xã Vĩnh Thanh), huyện Nhơn Trạch	24,121													24,121
12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1,511,383	-	385,426	15,000	143,000	40,000	307,500	60,000	263,000	42,000	70,000	185,457		
-	Đường 25B	10,000						10,000							
-	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại)	50,000						50,000							
-	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 21 huyện Long Thành (phương án đầu tư cải tạo theo tuyến đường hiện hữu), kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	30,000						30,000							
-	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong	140,000						140,000							
-	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769)	35,000						35,000							
-	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000, huyện Xuân Lộc	27,000						27,000							
-	Đường ĐT 761 đoạn từ giao giữa đường 761 đến đường 322B đến hết phạm vi khu dân cư ấp 2 xã Phú Lý, Vĩnh Cửu	4,500						4,500							

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÂM ỨNG NGÂN SÁCH
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
-	Dự án đoạn 3 đường liên huyện Vĩnh Cửu Trảng Bom	2,000						2,000					
-	Dự án Đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức – Long Thành), huyện Nhơn Trạch	70,000										70,000	
-	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Cang , huyện Định Quán (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	9,000						9,000					
-	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	22,000									22,000		
-	Xây dựng Nhà làm việc các cơ quan khối Đảng Tỉnh Đồng Nai	20,000									20,000		
-	Tuyến thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sinh	8,000									8,000		
-	Dự án tuyến thoát nước dài cây xanh (kể cả BTGPMB)	40,000									40,000		
-	Chống ngập ứng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	20,000									20,000		
-	Xây dựng tuyến thoát nước cho khu vực ngã 5 Biên Hùng, thành phố Biên Hòa	75,000									75,000		
-	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	10,000									10,000		
-	Tuyến thoát nước từ khu phố 4 đến Suối Đá thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	15,000									15,000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG			
			Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng								
-	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Nhơn Trạch	40,000								40,000			
-	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển	40,000								40,000			
-	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bầu Hàm 2, huyện Thống Nhất	5,000								5,000			
-	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bầu Cối, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh	5,000								5,000			
-	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ	5,000								5,000			
-	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	60,000							60,000				
-	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	15,000			15,000								
-	Xây dựng khoa sơ sinh bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	50,000				50,000							

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG	BỘ CHI	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
-	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	50,000				50,000							
-	Trạm Y tế xã Nhân Nghĩa - huyện Cẩm Mỹ	5,000				5,000							
-	Trạm Y tế xã Phú Bình - huyện Tân Phú	5,000				5,000							
-	Trạm Y tế xã Lang Minh - huyện Xuân Lộc	4,000				4,000							
-	Trạm Y tế xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch	5,000				5,000							
-	Trạm Y tế xã Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu	5,000				5,000							
-	Trạm Y tế xã Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu	5,000				5,000							
-	Trạm Y tế xã Phú Tân - huyện Định Quán	4,000				4,000							
-	Trạm Y tế xã Trung Hòa - huyện Trảng Bom	5,000				5,000							
-	Trạm Y tế xã Bàu Sen - thị xã Long Khánh	5,000				5,000							
-	Sửa chữa một số hạng mục trường THPT Nguyễn Hữu Cánh thành phố Biên Hòa	1,000		1,000									
-	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	55,000		55,000									
-	Xây dựng Trường THPT Lê Hồng Phong	20,000		20,000									
-	Dự án đầu tư thi điểm trường học tiên tiến hiện đại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020	130,000		130,000									
-	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	7,426		7,426									

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH		
			CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ					
			Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng										
-	Trường THPT Kiệm Tân	28,000							28,000						
-	Cải tạo sửa chữa trường Đoàn kết	27,000							27,000						
-	Đầu tư Trang thiết bị tối thiểu cho các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017-2020	70,000							70,000						
-	Khởi lập học 12 phòng và 3 phòng học chức năng, sửa chữa trường THPT Trị An	15,000							15,000						
-	Sửa chữa, cải tạo trường THPT PHÚ Ngọc	10,000							10,000						
-	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học Trường chính trị tỉnh Đồng Nai	5,000							5,000						
-	Dự án xây dựng mới 12 phòng học Trường trung học phổ thông Long Phước, huyện Long Thành	7,000							7,000						
-	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Long Khánh thành Trường THPT chuyên Long Khánh	10,000							10,000						
-	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	40,000								40,000					
	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại, chưa bao gồm chi phí BTGPMB)	70,000													70,000
	Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 2 huyện Nhơn Trạch (Công văn số 11179/UBND-ĐT ngày 27/11/2014)	1,380													1,380

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀYS NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TAM ỨNG NGÂN SÁCH
								KINH TẾ					
								Sự nghề giáo thông	Sự nghề Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Dự án tuyến thoát nước dài cây xanh, huyện Nhơn Trạch (Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 10/7/2017)	62,926											62,92
	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó hoàn tạm ứng năm 2015 là 17,314 tỷ đồng và hoàn tạm ứng trong năm 2017 là 11,797 tỷ đồng	29,111											29,11
	Tiểu dự án nhà máy xử lý nước thải số 1 giai đoạn 1A, thành phố Biên Hòa công suất 9500m3/ngày	22,040											22,04
13	Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	34,123	-	-	-	-	-	13,900	-	-	16,000	-	4,223
-	Dự án xây dựng 01 cầu trên đường vào Khu ủy Miền Đông huyện Vĩnh Cửu	3,900						3,900					
-	Dự án Xây dựng cầu Suối Nứa trên đường vào Trung ương cục miền Nam	5,000						5,000					
-	Đường nhựa từ ngã ba Bà Hào đi bìa di tích Trung ương cục miền Nam huyện VC	5,000						5,000					
-	Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn	16,000									16,000		
	Dự án cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hào, huyện Vĩnh Cửu (lấy kế giải ngân đến 2016 là 44.947 tr đ.) bao gồm hoàn trả tạm ứng 2017 là 4,223 tỷ đồng	4,223											4,223
14	Số Nội vụ	20,000	-	-	-	-	-	-	-		20,000	-	
-	Dự án xây Kho lưu trữ chuyển dụng tỉnh (chưa bao gồm 30% vốn hỗ trợ ngân sách TW)	20,000									20,000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
15	Sở Y tế	12,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,000	-		
-	Dự án công nghệ thông tin quản lý ngành y tế	12,000										12,000			
16	Tỉnh Đoàn Đồng Nai	12,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,000	-		
-	Xây mới Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Đồng Nai	12,000										12,000			
17	Sở Thông tin Truyền thông	17,600	-	-	3,600	-	-	-	-	-	-	14,000	-		
-	Dự án an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện cho các cơ quan trực thuộc tỉnh	14,000										14,000			
-	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Nai	3,600			3,600										
18	Hội nông dân tỉnh	12,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,000	-		
-	Xây dựng mới trụ sở làm việc hội nông dân tỉnh	12,000										12,000			
19	Ban Tôn giáo Tỉnh ủy	5,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000	-		
-	Trụ sở làm việc Ủy ban đoàn kết công giáo	5,000										5,000			
20	Sở Lao động Thương binh Xã hội	50,000	-	40,000	-	-	-	-	-	-	-	10,000	-		
-	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	10,000										10,000			
-	Nâng cao chất lượng dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (trong đó có vốn của 02 trường là 1,2 tỷ đồng).	40,000		40,000											

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG	BỘ CHI	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
21	Bảo Đồng Nai	9,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,600	
-	Dự án Xây mới Trụ sở làm việc Bảo Đồng Nai	9,600										9,600	
22	Hội Luật gia tỉnh	556	-	-	-	-	-	-	-		556	-	
-	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội Luật gia tỉnh	556									556		
23	UBND TQ Việt Nam tỉnh	8,600	-	-	-	-	-	-	-		-	8,600	
-	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai	8,600										8,600	
24	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	39,500	-	-	-	-	-	-	-	39,500	-	-	
-	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	15,000								15,000			
-	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Điền	24,500								24,500			
25	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Đồng Nai	12,000	-	-	-	-	-	-	-	12,000	-	-	
-	Bổ sung thiết bị đào tạo nguồn nhân lực ngành môi trường và xử lý nước thải	12,000								12,000			
26	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	78,900	-	-	-	-	-	-	-	78,900	-	-	
-	Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng	500								500			
-	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mĩa Định Quận tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) ngân sách tỉnh 109.503 tỷ	15,000								15,000			

Page 17

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								BỘI CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH	
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DẪN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
-	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc	43,000							43,000				
-	Nạo vét suối Đa Tôn, huyện Tân Phú	5,400							5,400				
-	Xây dựng đường và cầu qua đập tràn hồ tuyến V, hồ Cầu Mới	15,000							15,000				
27	Chi cục Thủy lợi	7,000	-	-	-	-	-	-	-	-	7,000		
-	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	7,000									7,000		
28	Công an tỉnh	70,500	500	-	-	-	-	-	-	-	70,000		
-	Dự án cải tạo và xây dựng Trụ sở Công an huyện Nhơn Trạch (tính 50%, Bộ CA 40%, huyện 10%)	500	500										
-	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	70,000									70,000		
29	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	160,000	120,000	-	-	-	-	-	-	-	20,000	20,000	
-	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		42,000										
-	Xây dựng nhà khách của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		18,000										
-	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh		60,000										
-	Dự án Nhà làm việc, nhà phục vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai										20,000		

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÂM ỨNG NGÂN SÁCH
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Công văn 4917/UBND-KT ngày 25/5/2017)												20,000
30	Cảnh sát PCCC	15,000	15,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho cảnh sát PCCC tỉnh từ năm 2015-2018 (tên cũ KH 17 là Tiêu dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH	10,000	10,000										
-	Dự án đầu tư trang thiết bị cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2016-2020 cho CS PCCC tỉnh	5,000	5,000										
31	Sở Khoa học và công nghệ	66,000	-	-	66,000	-	-	-	-	-	-	-	
-	Hạ tầng trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng nai, giai đoạn I	10,000			10,000								
-	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)	56,000			56,000								
32	Văn phòng Tỉnh ủy	18,300	-	-	18,300	-	-	-	-	-	-	-	
-	Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN	7,000			7,000								
-	Dự án bổ sung nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng trong các cơ quan Đảng tỉnh ĐN	9,000			9,000								
-	Dự án xây dựng các hệ thống thông tin và phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai	2,300			2,300								
33	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất	87,000	-	-	-	87,000	-	-	-	-	-	-	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘI CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
-	Dự án xây dựng khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính bệnh viện đa khoa Thống Nhất	7,000				7,000									
-	Khởi điều trị bệnh viện Thống Nhất	80,000				80,000									
34	Ban bảo vệ sức khỏe	30,000	-	-	-	30,000	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Trụ sở làm việc Ban bảo vệ sức khỏe	30,000				30,000									
35	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	25,000	-	-	-	25,000	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế bổ sung cho Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai phục vụ đề án bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Nhi đồng 2 thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Đồng Nai	25,000				25,000									
36	Bệnh viện Quân y 7B	18,000	-	-	-	18,000	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Dự án sửa chữa nâng cấp hệ thống điện, trạm biến áp và hệ thống chiếu sáng của Bệnh viện quân y 7B	8,000				8,000									
-	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện 7B	10,000				10,000									
37	Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải	30,000	-	30,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Dự án Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe loại I (tại huyện Trảng Bom)	30,000		30,000											
38	Trường Đại học Đồng Nai	71,000	-	71,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Xây dựng trường thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	22,000		22,000											
-	Khởi tiêu học và mầm non của trường Phổ thông thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	27,000		27,000											

TRONG ĐÓ														
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH	
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng				
-	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá sinh viên trường Đại học Đồng Nai cơ sở 1	18,000		18,000										
-	Hệ thống thông tin quản lý trường đại học Đồng Nai	4,000		4,000										
39	Ban Quản lý di tích	20,000	-	-	-	-	20,000	-	-	-	-	-		
-	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh						20,000							
40	Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai	32,600	-	-	-	-	32,600	-	-	-	-	-		
-	Trang thiết bị cho hệ thống trung tâm lưu trữ, kiểm duyệt dữ liệu truyền hình	9,000					9,000							
-	Trang thiết bị số hóa cho phòng tổng không chế các kênh truyền hình	9,000					9,000							
-	Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sản xuất chương trình cho 01 Studio truyền hình	9,000					9,000							
-	Trang thiết bị cho 04 phòng thu âm phát thanh - Đài truyền hình	5,600					5,600							
41	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch	10,000	-	-	-	-	10,000	-	-	-	-	-		
-	Xây dựng Nhà ở văn động viên và cải tạo, nâng cấp cảnh quan toàn khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh	10,000					10,000							
42	Trung tâm phát triển Quý Đất	75,054	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong (có hoàn tạm ứng của Trung tâm phát triển quỹ đất năm 2017 để Bồi thường là 8,418 tỷ đồng)	8,418												8,418

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										BỘ CHỈ	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.			
								KINH TẾ	Sự nghệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng				
	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	44,880												44,880
	Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng đường 25B (đợt 13 và bổ sung) theo công văn số 12012/UBND-ĐT ngày 25/12/2014	6,903												6,903
	Bồi thường giải phóng mặt bằng hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng cầu An Hảo và đường dẫn 2 đầu cầu trên địa bàn thành phố Biên Hòa (Công văn số 7822/UBND-ĐT ngày 29/8/2016 và công văn số 10258/UBND-ĐT)	14,853												14,853
43	Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tỉnh	1,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600
	Xây dựng Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai (trong đó hoàn trả của Trung tâm đã tạm ứng 2017 là 1,6 tỷ)	1,600												1,600
B	Bổ trí vốn thanh toán chi phí lập hồ sơ đối với các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư	15,000												
I	Các dự án được phê duyệt dự án đầu tư	12,500												
I.1	Nguồn vốn tập trung	8,000												
I	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	400												

Page 19

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN MINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH		
								Sự nghề giáo thông,	Sự nghề Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
2	Dường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú kết hợp bờ bao tránh lũ	400													
3	Nạo vét suối Sân Mầu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	1,000													
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Trạm Thú y Thống Nhất	200													
5	Xây dựng tuyến thoát nước phường Hồ Nai, thành phố Biên Hoà	100													
6	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thanh phú, huyện Vĩnh Cửu	300													
7	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi, huyện Định Quán	200													
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An, huyện Tân Phú	200													
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	200													
10	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	200													
11	Nạo vét Rạch mơi xã Bình Hoà	300													
12	Dự án xây dựng nhà làm việc và kho lưu trữ của Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh	100													
13	Sửa chữa công trình Đập dâng Long An	100													
14	Dự án xây dựng mới Cầu Mít trên đường Hương lộ 12, huyện Nhơn Trạch (NSH thực hiện bởi thường)	200													

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DAY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG			
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng				
15	Dự án Trạm bơm áp 4 xã Tà Lài huyện Tân Phú	500												
16	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài (Ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ	1,000												
17	Hồ Chứa nước Thoại Hương	1,000												
18	Dự án hồ chứa nước Gia Đức, huyện Thống Nhất	1,000												
19	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch	300												
20	Dự án Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2	300												
1.2	Nguồn số xố kiến thiết	4,500												
1	Xây dựng Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa tỉnh	600												
2	Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú (đã đầu tư 1 số hạng mục Nhà thi đấu, sân nền, cổng tường rào), NST đầu tư xây lắp + thiết bị khoảng 40 tỷ, phần còn lại kêu gọi XHH (hồ bơi, sân bóng đá, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...)	525												
3	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	100												
4	Trạm Y tế xã Tân Hạnh - Tp. Biên Hòa	100												
5	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	100												
6	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa.	100												

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHỈ	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH		
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
7	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	100													
8	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	100													
9	Trạm Y tế xã Suối Cao - huyện Xuân Lộc	100													
10	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	100													
11	Trạm Y tế xã Bảo Vinh - thị xã Long Khánh	100													
12	Trạm Y tế xã Thanh Bình - huyện Trảng Bom	100													
13	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	150													
14	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	150													
15	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên - huyện Tân Phú	100													
16	Trạm Y tế xã Phú Lập - huyện Tân Phú	100													
17	Trạm Y tế xã Tà Lài - huyện Tân Phú	100													
18	Trạm Y tế xã La Ngà - huyện Định Quán	100													
19	Trạm Y tế xã Long Thọ - Nhơn Trạch	100													
20	Trạm y tế xã Thanh Sơn huyện Định Quán	100													
21	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	100													
22	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	100													
23	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	100													
24	Xây dựng Nhà triển lãm và Văn phòng Trung tâm văn hóa thể thao thị xã Long Khánh	100													

Page 22

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ								CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TẠM ỨNG NGÂN SÁCH
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng			
25	Trạm Y tế xã Xuân Hưng - huyện Xuân Lộc	100											
26	Dự án Trang thiết bị phục hồi chức năng vật lý trị liệu của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	100											
27	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	150											
28	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	75											
29	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	650											
II	Bổ trí lập hồ sơ chủ trương đầu tư	2,500											
II.1	Nguồn vốn tập trung	2,000											
II.2	Nguồn số xổ kiến thiết	500											
C	Nguồn vốn dự phòng thanh toán dự án cầu Hóa An	39,000											
D	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch	20,000											
E	Hoàn trả tạm ứng Kho bạc năm 2010	56,000											
F	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội	10,000											
G	Hoàn trả vốn vay ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (phần vốn các dự án thuộc trách nhiệm hoàn trả từ ngân sách tỉnh đã giải ngân trong năm 2016)	56,393											

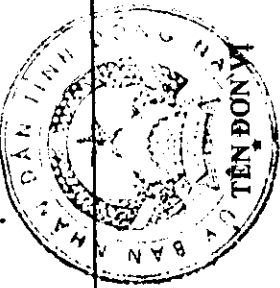
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	BỘ CHI	TÀM ỨNG NGÂN SÁCH		
								Sự nghiệp giao thông	Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi	Hạ tầng công cộng					
H	Hoàn trả vốn vay Ngân hàng BIDV năm 2017	115,526													
L	Hoàn trả tạm ứng ngân sách trung ương 2010	1,422													
M	Hỗ trợ huyện Tân Phú hoàn thành nông thôn mới	100,000													
N	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa, hỗ trợ có mục tiêu đối với các địa phương	150,000													
O	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	600,000													

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 53/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)



Đơn vị: Triệu đồng

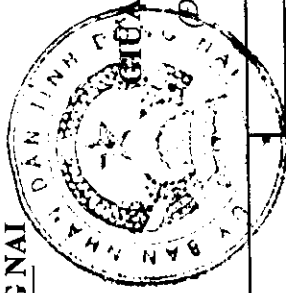
STT	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
		CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THẺ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG	CHI KHÁC						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11					
	TỔNG SỐ	5,219,805	1,454,233	110,403	1,112,996	99,742	93,266	181,698	878,401	611,128	329,563	12,938					
1	Văn phòng UBND tỉnh	15,767								15,767							
2	Văn phòng UBND tỉnh	151,627				16,927		19,614	78,598	34,209							2,279
3	Sở Tài chính	18,859								18,859							
4	Sở Kế hoạch Đầu tư	15,717							2,000	13,534							183
5	Sở Nội vụ	78,477	18,730							59,747							
6	Sở Ngoại vụ	9,936	1,075							8,861							
7	Sở Thông tin Truyền thông	38,820						200	31,158	6,166							1,296
8	Sở Khoa học Công nghệ	113,023	21,110	83,985					5,507	50,056							
9	Sở Công thương	115,298						96,219	93,675	19,027							
10	Sở Tài nguyên Môi trường	208,921								15,032							7,006
11	Sở Tư pháp	22,038								44,155							
12	Sở Nông nghiệp PTNT	230,057							185,902	18,242							
13	Sở Giao thông vận tải	326,009							307,767	14,549							
14	Sở Y tế	1,049,159	13,728		1,019,006			1,876		8,803							
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	226,984	45,053			79,762	93,266	100		12,468							
16	Sở Xây dựng	12,468								13,865						239,563	
17	Sở Lao động TBXH	375,561	122,133							10,935							
18	Sở Giáo dục đào tạo	691,872	680,937							10,214							
19	Thanh tra tỉnh	10,214															

1

TRONG ĐÓ													
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DÂY NGHE	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
20	Công an tỉnh	51,197	43,548	1,700					5,949				
21	Cảnh sát PCCC	11,150	11,150										
22	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	126,297	106,739	19,558									
23	Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh	29,990				29,990							
24	Đại học Đồng Nai	95,075		95,075									
25	Trường Chính trị tỉnh	30,619		30,619									
26	Cao đẳng nghề Đồng Nai	26,371		26,371									
27	Cao đẳng Y tế Đồng Nai	24,073		24,073									
28	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao	12,841		12,841									
29	Nhà thiếu nhi tỉnh	3,053					3,053						
30	Ban Quản lý các KCN	19,298							1,482	2,000	14,305		1,511
31	Ban Dân tộc	19,178									19,178		
32	Ban Quản lý KCN công nghệ sinh học	27,398			26,418						980		
33	Tỉnh ủy	95,000									95,000		
34	Hội chữ thập đỏ	3,770									3,770		
35	Hội người mù	1,037									1,037		
36	Hội cựu thanh niên xung phong	1,089									1,089		
37	Hội nạn nhân chất độc da cam	934									934		
38	Hội người cao tuổi	1,198									1,198		
39	Hội chiến sĩ cảnh mạng bị địch bắt, tù đày	1,448									1,448		
40	Hội hỗ trợ gia đình liệt sỹ	398									398		
41	UBMT Tổ quốc tỉnh	8,929									8,929		
42	Tỉnh đoàn	12,992									12,329		663
43	Hội phụ nữ	6,538									6,538		
44	Hội nông dân	13,561									13,561		
45	Hội cựu chiến binh	3,765									3,765		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC
			CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG.			
46	Hội nhà báo	937									937			
47	Hội văn học nghệ thuật	2,356									2,356			
48	Liên minh Hợp tác xã	5,862									5,862			
49	Hội Luật gia	622									622			
50	Liên hiệp các hội KHKT	6,949									6,949			
51	Hội khuyến học	1,671									1,671			
52	Hội sinh viên	1,359									1,359			
53	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4,496									4,496			
54	Dự phòng	693,547	10,000	341,230	-	64,000		-	50,751	117,566	20,000	90,000		164,000
55	Chi khác	164,000												

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

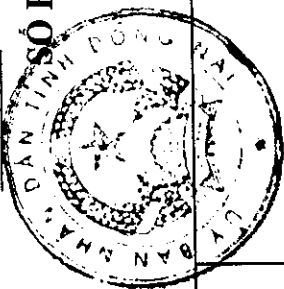


**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chia theo sắc thuế							Tiền sử dụng đất	Lệ phí trước bạ	Phí, lệ phí	Tiền thuê mặt đất, mặt nước
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Thuế thu nhập đặc biệt từ hàng nội địa	Thuế tài nguyên	Thuế thu nhập cá nhân	Thuế bảo vệ môi trường	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thành phố Biên Hòa	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
2	Thị xã Long Khánh	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
3	Huyện Xuân Lộc	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
4	Huyện Cẩm Mỹ	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
5	Huyện Tân Phú	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
6	Huyện Định Quán	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
7	Huyện Thống Nhất	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
8	Huyện Trảng Bom	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
9	Huyện Vĩnh Cửu	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
10	Huyện Long Thành	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100
11	Huyện Nhơn Trạch	47	47	47	100	47	47	100	60	100	100	100



**SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh			Tiền sử dụng đất ngân sách huyện được hưởng chưa tính vào cân đối ngân sách	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Chia ra		Tổng số	Cân đối	Có mục tiêu			
			Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia						
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	10,319,084	4,114,072	1,503,949	2,610,123	5,305,012	4,829,239	475,773	900,000	10,319,084
1	Thành phố Biên Hòa	2,522,552	2,078,273	644,040	1,434,233	116,079	-	116,079	328,200	2,522,553
2	Thị xã Long Khánh	678,461	111,496	35,050	76,446	542,965	508,709	34,256	24,000	678,461
3	Huyện Xuân Lộc	824,625	135,672	71,000	64,672	676,593	656,593	20,000	12,360	824,625
4	Huyện Cẩm Mỹ	695,691	67,739	46,800	20,939	624,352	598,998	25,354	3,600	695,691
5	Huyện Tân Phú	770,995	37,451	12,400	25,051	730,904	707,904	23,000	2,640	770,995
6	Huyện Định Quán	882,161	72,449	20,260	52,189	803,712	740,712	63,000	6,000	882,160
7	Huyện Thống Nhất	625,756	81,176	36,150	45,026	505,581	457,336	48,245	39,000	625,756

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh				Tiền sử dụng đất ngân sách huyện được hưởng chưa tính vào cân đối ngân sách	Tổng chi cân đối ngân sách huyện
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách huyện hưởng 100%	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia		Cân đối	Có mục tiêu				
8	Huyện Trảng Bom	1,054,499	633,475	416,100	217,375	216,424	194,170	22,254	204,600	1,054,499		
9	Huyện Vĩnh Cửu	689,086	211,094	88,800	122,294	441,992	378,992	63,000	36,000	689,086		
10	Huyện Long Thành	761,128	386,384	82,200	304,184	305,744	279,098	26,646	69,000	761,128		
11	Huyện Nhom Trach	814,131	298,864	51,150	247,714	340,667	306,727	33,940	174,600	814,130		

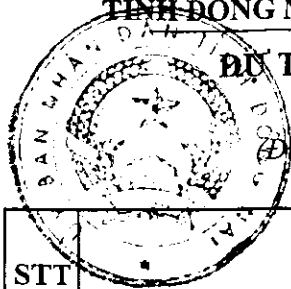


**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH
TỪNG HUYỆN NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 120 /QĐ-UBND ngày 11 /01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG SỐ	5,305,010	4,829,236	475,774
1	Thành phố Biên Hòa	116,079	-	116,079
2	Thị xã Long Khánh	542,965	508,709	34,256
3	Huyện Xuân Lộc	676,593	656,593	20,000
4	Huyện Cẩm Mỹ	624,352	598,998	25,354
5	Huyện Tân Phú	730,904	707,904	23,000
6	Huyện Định Quán	803,711	740,711	63,000
7	Huyện Thống Nhất	505,580	457,335	48,245
8	Huyện Trảng Bom	216,424	194,170	22,254
9	Huyện Vĩnh Cửu	441,992	378,992	63,000
10	Huyện Long Thành	305,744	279,098	26,646
11	Huyện Nhơn Trạch	340,666	306,726	33,940

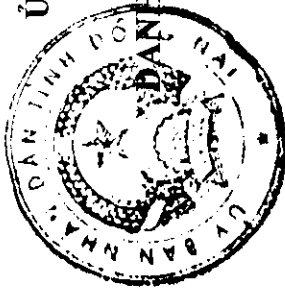


**DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2018**

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11 /01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG SỐ	4,579,192	4,538,000	41,192
I	Ngân sách cấp tỉnh	4,579,192	4,538,000	41,192
A	Nguồn vốn đầu tư các chương trình mục tiêu từ nguồn NSTW	79,192	38,000	41,192
1	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg	26,192		26,192
2	Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các vùng	38,000	38,000	
-	Dự án đường hương lộ 10 từ ranh giới huyện Long Thành và huyện Cẩm Mỹ đến vị trí giao với đường tỉnh ĐT 769 (đoạn 2)	38,000	38,000	
3	Chương trình mục tiêu Đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	15,000		15,000
-	Mua sắm trang thiết bị y tế bổ sung cho bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai theo đề án bệnh viện vệ tinh của bệnh viện Nhi đồng TP. Hồ Chí Minh	15,000		15,000
B	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	4,500,000	4,500,000	
	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	4,500,000	4,500,000	
II	Ngân sách huyện	-		



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Biểu số 58/CK-NSNN

ĐANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018
Nguồn vốn ngân sách tập trung và số xổ kiến thiết

(Đính kèm Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6
	TỔNG			4,008,930	3,710,730	298,200	
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO UBND TỈNH GIAO CHỈ TIÊU			2,950,704	2,652,504	298,200	
A	Thực hiện dự án (Chuyển tiếp)			2,062,206	1,764,006	298,200	
I	Giao thông						
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018						
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMDT)	TB	2018-2020	500	500		UBND huyện Trảng Bom
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	50,000		50,000	UBND huyện Thống Nhất
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp)	BH	2018-2022	500	500		UBND thành phố Biên Hòa
4	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022	500	500		UBND thị xã Long Khánh
b	Công trình chuyển tiếp qua 2018						-
1	Đường 25B	LT-NT	2015-2018	10,000	10,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	VC	2016-2019	13,000	13,000		UBND huyện Vĩnh Cửu

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
3	Dự án đường 30 tháng 4 nối dài (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa - chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bằng nguồn ngân sách huyện)	TB	2016-2018	5,000	5,000		UBND huyện Trảng Bom
4	Đường suối Rắc huyện Định Quán	ĐQ	2016-2018	3,500	3,500		UBND huyện Định Quán
5	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại)	NT	2017-2020	50,000	50,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An, huyện Tân Phú, (NST hỗ trợ xây lắp)	TP	2017-2020	44,000	44,000		UBND huyện Tân Phú
7	Nâng cấp mở rộng đường Hương lộ 21 huyện Long Thành (phương án đầu tư cải tạo theo tuyến đường hiện hữu), kể cả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	LT - BH	2017-2020	30,000	30,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Xây dựng cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom (ngân sách tỉnh hỗ trợ phần cầu và phần đường dẫn vào cầu có giá trị 9 tỷ đồng)	TB	2017-2018	4,500	4,500		UBND huyện Trảng Bom
9	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong	BH	2017-2021	140,000	140,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Đường Chu Văn An, Thống Nhất - Định Quán (đường liên huyện - giai đoạn 3; ngân sách huyện chi BTGPMB)	DQ	2017-2019	18,650	18,650		UBND huyện Thống Nhất
11	Dự án xây dựng đường Nguyễn Thị Định (đường số 3 cũ) kết hợp hệ thống thoát nước khu công nghiệp Tân Phú	TP	2017-2020	30,000	30,000		UBND huyện Tân Phú
12	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến DT769)	NT	2017-2021	35,000	35,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Nâng cấp, mở rộng đường DT 765 đoạn từ km 5+500 đến km 10+000, huyện Xuân Lộc	NT	2017-2020	27,000	27,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Đường DT 761 đoạn từ giao giữa đường 761 đến đường 322B đến hết phạm vi khu dân cư ấp 2 xã Phú Lý, Vĩnh Cửu	VC	2016-2018	4,500	4,500		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
15	Đường Long Giao - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)	CM	2017-2020	40,000	40,000		UBND huyện Cẩm Mỹ
16	Đường song hành quốc lộ 1A đoạn tránh ngã tư Amata (Ngân sách thành phố thực hiện BTGPMB)	BH	2017-2018	3,000	3,000		UBND thành phố Biên Hòa
17	Đường và hệ thống thoát nước trong khu dân cư thị trấn Định Quán	DQ	2017-2019	21,000	21,000		UBND huyện Định Quán
18	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2021	42,000	42,000		UBND huyện Long Thành

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bộ chi 2018	
19	Nút giao thông giữa đường Hùng Vương với Quốc lộ 1 A (NSH thực hiện BTGPMB)	XL	2017-2019	20,000	20,000		UBND huyện Xuân Lộc
20	Nâng cấp mở rộng đường vào núi Chứa Chan (NST hỗ trợ 50% TMDT)	XL	2018-2022	25,000	25,000		UBND huyện Xuân Lộc
21	Dự án đoạn 3 đường liên huyện Vĩnh Cửu Trảng Bom	VC TB	2018-2020	2,000	2,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
22	Cầu Đa-Hoai, huyện Tân Phú	TP	2017-2019	2,300	2,300		UBND huyện Tân Phú
c	Công trình khởi công mới năm 2018						-
1	Dự án Đường kết nối vào cảng Phước An (đoạn từ đường 319 đến nút giao cắt với đường cao tốc Bến Lức -- Long Thành), huyện Nhơn Trạch	NT	2018-2022	70,000		70,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Cầu Đa Kai huyện Tân Phú	TP	2018-2020	8,000	8,000		UBND huyện Tân Phú
3	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2018-2020	10,000	10,000		UBND thị xã Long Khánh
4	Dự án xây dựng 01 cầu trên đường vào Khu ủy Miền Đông huyện Vĩnh Cửu	VC	2018-2020	3,900	3,900		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
5	Dự án Xây dựng cầu Suối Nứa trên đường vào Trung ương cục miền Nam	VC	2018-2020	5,000	5,000		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
6	Dự án Xây dựng mới cầu Tà Lài, xã Tà Lài huyện Tân Phú	TP	2018-2020	30,000	30,000		UBND huyện Tân Phú
7	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	XL	2018-2022	9,000	9,000		UBND huyện Xuân Lộc
8	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	ĐQ	2018-2020	9,000	9,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp khoảng 37 tỷ)	BH	2018-2022	20,000		20,000	UBND thành phố Biên Hòa
10	Công trình Đất đắp và cây xanh đường Đặng Văn Tron thành phố Biên Hòa	BH	2018-2020	13,000		13,000	UBND thành phố Biên Hòa
11	Dự án Nâng cấp đường vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% xây lắp 22,5 tỷ đồng)	ĐQ	2017-2020	9,500	9,500		UBND huyện Định Quán
12	Đường nhựa từ ngã ba Bà Hào đi bìa di tích Trung ương cục miền Nam huyện VC	VC	2018-2020	5,000	5,000		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
13	Dự án đường dân sinh và mương thoát lũ dọc đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện Cẩm Mỹ (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB)	CM	2018-2020	3,200	3,200		UBND huyện Cẩm Mỹ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
II	Quản lý nhà nước			-			-
a	Công trình chuyên tiếp năm 2018			-			-
1	Dự án xây Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh (chưa bao gồm 30% vốn hỗ trợ ngân sách TW)	BH	2016-2019	20,000	20,000		Sở Nội vụ
2	Kho lưu trữ dữ liệu chuyên dùng huyện Nhơn Trạch	NT	2016-2018	9,800	9,800		UBND huyện Nhơn Trạch
3	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	BH	2017-2020	22,000	22,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án công nghệ thông tin quản lý ngành y tế	BH	2016-2018	12,000	12,000		Sở Y tế
5	Xây dựng Trụ sở làm việc Khu Bảo tồn	VC	2017-2020	16,000	16,000		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
6	Xây mới Trụ sở làm việc Tỉnh đoàn Đồng Nai	BH	2017-2019	12,000	12,000		Tỉnh Đoàn Đồng Nai
7	Dự án an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thực hiện cho các cơ quan trực thuộc tỉnh	BH	2016-2018	14,000	14,000		Sở Thông tin và Truyền thông
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc hội nông dân tỉnh	BH	2017-2019	12,000	12,000		Hội Nông dân tỉnh
b	Công trình khởi công mới năm 2018						-
1	Xây dựng Nhà làm việc các cơ quan khối Đảng Tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020	20,000	20,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trụ sở làm việc Ủy ban đoàn kết công giáo	BH	2018-2020	5,000	5,000		Ban Tôn giáo tỉnh
3	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH	2018-2022	10,000	10,000		Sở Lao động, thương binh và xã hội
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc UBND huyện Nhơn Trạch	NT	2018-2020	8,000	8,000		UBND huyện Nhơn Trạch
5	Dự án Xây mới Trụ sở làm việc Bảo Đồng Nai	BH	2018-2020	9,600		9,600	Bảo Đồng Nai
6	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội Luật gia tỉnh	BH	2018-2020	556	556		Hội Luật gia tỉnh
7	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020	8,600		8,600	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
8	Dự án Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện thành Trụ sở làm việc Huyện ủy Tân Phú	TP	2018-2020	15,000		15,000	UBND huyện Tân Phú

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bộ chi 2018	
III	Hạ tầng Công Cộng			-			-
a	Dự án chuyển tiếp 2018						-
1	Tuyến thoát nước từ cầu Suối Cạn ra rạch Cái Sinh	VC	2015-2018	8,000	8,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án tuyến thoát nước dài cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017-2021	40,000	40,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	BH - LT	2016-2020	20,000	20,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021	80,000	80,000		UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Xây dựng tuyến thoát nước cho khu vực ngã 5 Biên Hùng, thành phố Biên Hòa	BH	2017-2019	75,000	75,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Ký, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2020	10,000	10,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Tuyến thoát nước từ khu phố 4 đến Suối Đá thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	TB	2017-2020	15,000	15,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2022	40,000	40,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	40,000	40,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Phú	BH	2016-2018	15,000	15,000		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
11	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Mã Đà huyện Vĩnh Cửu	VC	2017-2018	5,500	5,500		UBND huyện Vĩnh Cửu
12	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Hiếu Liêm huyện Vĩnh Cửu	VC	2017-2018	6,500	6,500		UBND huyện Vĩnh Cửu
13	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Diên	TP	2016-2018	24,500	24,500		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
14	Hệ thống thoát nước chống ngập úng cục bộ cho khu vực xung quanh bệnh viện huyện Cẩm Mỹ	CM	2017-2018	2,200	2,200		UBND huyện Cẩm Mỹ
b	Công trình khởi công mới năm 2018						-
1	Bổ sung thiết bị đào tạo nguồn nhân lực ngành môi trường và xử lý nước thải	LT	2018-2020	12,000	12,000		Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Đồng Nai
2	Dự án hệ thống cấp nước sạch nông thôn xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu	VC	2018-2020	5,000		5,000	UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Ham 2, huyện Thống Nhất	TN	2018-2020	5,000	5,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
4	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Bàu Cối, xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh	LK	2018-2020	5,000	5,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Xuân Mỹ	CM	2018-2020	5,000	5,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp vào khu du lịch Thác Mai, huyện Định Quán	ĐQ	2018-2020	5,000	5,000		UBND huyện Định Quán
IV	Nông - Lâm - Thủy lợi			-			-
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình						-
1	Sửa chữa, nạo vét lòng hồ công trình hồ Suối Vọng	CM	2018-2020	500	500		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
b	Công trình chuyển tiếp 2018			-			-
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ) ngân sách tỉnh 109,503 tỷ	ĐQ	2016-2020	15,000	15,000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Gia Măng huyện Xuân Lộc	XL	2015-2019	43,000	43,000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
3	Kiến cổ hoá Kênh nương đập Cù Nhi	CM	2016-2018	11,000	11,000		UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Trạm bơm Bến Thuyền, huyện Tân Phú	TP	2017-2018	5,000	5,000		UBND huyện Tân Phú
5	Nạo vét suối Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	2017-2018	5,400	5,400		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
6	Xây dựng mới trạm bơm Giang Diên huyện Tân Phú	TP	2017-2020	15,000	15,000		UBND huyện Tân Phú
7	Tieu thoát nước cánh đồng Bàu Kiên xã Thanh Sơn huyện ĐQ	ĐQ	2017-2020	8,000	8,000		UBND huyện Định Quán
8	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2017-2021	50,000	50,000		UBND huyện Định Quán
9	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2020	10,000	10,000		UBND thị xã Long Khánh
10	Xây dựng đường và cầu qua đập tràn hồ tuyến V, hồ Cầu Mới	LT-CM	2017-2019	15,000	15,000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
11	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2021	60,000	60,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
12	Hồ chứa nước Cầu Dầu, thị xã Long Khánh	LK	2016-2019	20,000	20,000		UBND thị xã Long Khánh
c	Công trình khởi công mới năm 2018						-
1	Xây dựng tuyến kênh dẫn nước thải ngoại hàng rào khu công nghiệp Xuân Lộc, huyện Xuân Lộc (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	XL	2018-2020	10,000		10,000	UBND huyện Xuân Lộc
2	Dự án Nạo vét và gia cố bờ suối Quán Thủ, huyện Long Thành (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LT	2018-2020	10,000	10,000		UBND huyện Long Thành
3	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	2018-2020	8,000	8,000		UBND huyện Thống Nhất
4	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	10,000	10,000		UBND huyện Định Quán
5	Thoát nước lũ xã Xuân Lập	LK	2018-2020	7,000	7,000		UBND thị xã Long Khánh
6	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	2018-2020	7,000		7,000	Chi cục thủy lợi
V	An ninh quốc phòng						-
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình						-
1	Dự án cải tạo và xây dựng Trụ sở Công an huyện Nhom Trạch (tính 50%, Bộ CA 40%, huyện 10%)	NT	2018-2020	500	500		Công an tỉnh Đồng Nai
b	Công trình chuyển tiếp 2018			-			-
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Tân Phú	TP	2015-2019	15,000	15,000		UBND huyện Tân Phú
2	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	XL	2015-2019	42,000	42,000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
3	Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Cảnh sát PCCC tỉnh từ năm 2015-2018 (tên cũ KH 17 là Tiểu dự án đầu tư trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho CS PCCC)	BH	2017-2019	10,000	10,000		Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy
4	Xây dựng nhà khách của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	BH	2017-2018	18,000	18,000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
5	Dự án đầu tư trang thiết bị cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2016-2020 cho CS PCCC tỉnh	BH	2017-2019	5,000	5,000		Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy
6	Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	VC	2017-2020	60,000	60,000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
c	Công trình khởi công mới năm 2018						-
1	Dự án Nhà làm việc, nhà phục vụ Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020	20,000		20,000	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
2	Dự án Trung tâm chi huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	70,000		70,000	Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Khoa học công nghệ			-		-	
a	Công trình chuyển tiếp 2018			-		-	
1	Hà tầng trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng nai, giai đoạn 1	CM	2014-2108	10,000	10,000		Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70%)	CM	2017-2021	56,000	56,000		Sở Khoa học và Công nghệ
3	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	BH	2017-2019	15,000	15,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Công trình khởi công mới năm 2018					-	
1	Dự án xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu trong các cơ quan Đảng tỉnh DN	BH	2018-2020	7,000	7,000		Văn phòng Tỉnh ủy
2	Dự án bổ sung nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng trong các cơ quan Đảng tỉnh DN	BH	2018-2020	9,000	9,000		Văn phòng Tỉnh ủy
3	Nâng cấp hệ thống thư điện tử tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020	3,600	3,600		Sở Thông tin và Truyền thông
4	Dự án xây dựng các hệ thống thông tin và phần mềm đặc trưng của tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020	2,300	2,300		Văn phòng Tỉnh ủy
B	Bố trí vốn thanh toán chi phí lập hồ sơ đối với các dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư			10,000	10,000	0 -	
I	Các dự án được phê duyệt dự án đầu tư			8,000	8,000	0 -	
1	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	2018-2020	400	400		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
2	Đường vào trung tâm xã Nam Cát Tiên huyện Tân Phú kết hợp bờ bao tránh lũ	TP	2018-2020	400	400		UBND huyện Tân Phú
3	Nạo vét Suối Sân Mầu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2018-2022	1,000	1,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Trạm Thú y Thống Nhất	TN	2019-2021	200	200		Chi cục Chăn nuôi và Thú y
5	Xây dựng tuyến thoát nước phường Hồ Nai, thành phố Biên Hoà	BH	2019-2021	100	100		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thành phố, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	300	300		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
7	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	200	200		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú An, huyện Tân Phú	TP	2019-2021	200	200		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	200	200		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nam Cát Tiến, huyện Tân Phú	TP	2019-2021	200	200		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	VC	2019-2021	300	300		UBND huyện Vĩnh Cửu
12	Dự án xây dựng nhà làm việc và kho lưu trữ của Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh	BH	2019-2021	100	100		Đảng ủy khối doanh nghiệp
13	Sửa chữa công trình Đập dâng Long An	LT	2019-2021	100	100		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
14	Dự án xây dựng mới Cầu Mít trên đường Hương lộ 12, huyện Nhơn Trạch (NSH thực hiện bồi thường)	NT	2019-2021	200	200		UBND huyện Nhơn Trạch
15	Dự án Trạm bơm áp 4 xã Tà Lài huyện Tân Phú	TP	2019-2021	500	500		UBND huyện Tân Phú
16	Dự án chống ngập ứng khu vực Suối Cái (Ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ	LK	2019-2022	1,000	1,000		UBND thị xã Long Khánh
17	Hồ Chứa nước Thoại Hương	CM	2018-2020	1,000	1,000		UBND huyện Cẩm Mỹ
18	Dự án hồ chứa nước Gia Đức, huyện Thống Nhất	TN	2019-2023	1,000	1,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Dự án Kè sông Vàm Mương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch	NT	2019-2022	300	300		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
20	Dự án Xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2	BH	2019-2022	300	300		Sở Thông tin và Truyền thông
II	Bổ trí lập hồ sơ chủ trương đầu tư			2,000	2,000		
C	Nguồn vốn dự phòng thanh toán dự án cầu Hóa An			39,000	39,000		
D	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch			20,000	20,000		
E	Hoàn trả tạm ứng ngân sách			547,598	547,598		
I	Các khoản tạm ứng ngân sách			374,257	374,257		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
1	Đường ĐT 767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh Cửu			15,000	15,000		UBND huyện Vĩnh Cửu
2	Đường 319B đoạn qua KCN Nhơn Trạch (đoạn còn lại, chưa bao gồm chi phí BTGPMB)			70,000	70,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Xây dựng Nút giao thông ngã tư Tân Phong (có hoàn tam ứng của Trung tâm phát triển quỹ đất năm 2017 để Bồi thường là 8,418 tỷ đồng)			8,418	8,418		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
4	dự án Nâng cấp đường số 2 đoạn 2 (đoạn nối dài đến đường 769 – xã Long Tân) và đoạn 3 (đoạn nối dài đến Hương lộ 19 xã Vĩnh Thanh), huyện Nhơn Trạch			24,121	24,121		UBND huyện Nhơn Trạch
5	Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 2 huyện Nhơn Trạch (Công văn số 11179/UBND-ĐT ngày 27/11/2014)			1,380	1,380		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án tuyến thoát nước dài cây xanh, huyện Nhơn Trạch (Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 10/7/2017)			62,926	62,926		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa			44,880	44,880		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
8	Bồi thường hỗ trợ di dời toàn bộ các hộ dân Khu vực Rạng Rang - Be 18, ấp 5, xã Mã Đà ra khỏi khu vực di dời đến khu tái định cư Khu phố 1, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu			28,264	28,264		UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Hỗ trợ di dân vùng sát lờ Đồi 112, huyện Định Quán (công văn số 9721/UBND-JT ngày 17/10/2016)			20,538	20,538		UBND huyện Định Quán
10	Dự án cải tạo, nạo vét hồ Sen và hồ Bà Hảo, huyện Vĩnh Cửu (lấy kế giải ngân đến 2016 là 44,947 tr đ.) bao gồm hoàn trả tạm ứng 2017 là 4,223 tỷ đồng			4,223	4,223		Khu Bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
11	Dự án Trung tâm huấn luyện quân nhân, dự bị động viên Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (Công văn 4917/UBND-KT ngày 25/5/2017)			20,000	20,000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
12	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Nhơn Trạch (toàn trả tạm ứng năm 2014 là 0,588 tỷ đồng) (đã có trong kênh thoát nước cuối đường số 2)			-			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng đường 25B (đợt 13 và bổ sung) theo công văn số 12012/UBND-ĐT ngày 25/12/2014			6,903	6,903		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh
13	Bồi thường giải phóng mặt bằng hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng cầu An Hảo và đường dẫn 2 đầu cầu trên địa bàn thành phố Biên Hòa (Công văn số 7822/UBND-ĐT ngày 29/8/2016 và công văn số 10258/UBND-ĐT)			14,853	14,853		Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh - Chi nhánh Biên Hòa

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
14	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó hoàn tạm ứng năm 2015 là 17,314 tỷ đồng và hoàn tạm ứng trong năm 2017 là 11,797 tỷ đồng			29,111	29,111		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
15	Xây dựng Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai (trong đó hoàn trả của Trung tâm đã tạm ứng 2017 là 1,6 tỷ)			1,600	1,600		Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng
16	Tiểu dự án nhà máy xử lý nước thải số 1 giai đoạn 1A, thành phố Biên Hòa công suất 9500m3/ngày			22,040	22,040		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
18	Đường chuyển dùng vận chuyển khoáng sản tại xã Phước Tân và Tam Phước, thành phố Biên Hòa (Văn bản số 113/UBND-DT ngày 07/01/2016)			-			UBND thành phố Biên Hòa
II	Hoàn trả vốn vay ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (phần vốn các dự án thuộc trách nhiệm hoàn trả từ ngân sách tỉnh đã giải ngân trong năm 2016)			56,393	56,393		
III	Hoàn trả vốn vay Ngân hàng BIDV năm 2017			115,526	115,526		
IV	Hoàn trả tạm ứng ngân sách trung ương 2010			1,422	1,422		
F	Hỗ trợ huyện Tân Phú hoàn thành nông thôn mới năm 2018			100,000	100,000		
	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa, hỗ trợ có mục tiêu đối với các địa phương			150,000	150,000		
	NGUỒN XÓ SỐ KIẾN THIẾT DO UBND TỈNH GIAO CHỈ TIÊU			1,058,226	1,058,226		
A	Thực hiện dự án			1,053,226	1,053,226		
I	Y tế			303,000	303,000		
a	Công trình chuyển tiếp sang năm 2018			0			
1	Dự án xây dựng khoa khám bệnh, cấp cứu và khu hành chính bệnh viện đa khoa Thống Nhất	BH	2015-2018	7,000	7,000		Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
2	Trụ sở làm việc Ban bảo vệ sức khỏe	BH	2016-2018	30,000	30,000		Ban bảo vệ sức khỏe
3	Xây dựng khoa sơ sinh bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	2016-2020	50,000	50,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	BH	2017-2019	50,000	50,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
5	Khởi điều trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	80,000	80,000		Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
6	Hệ thống xử lý nước thải bệnh viện 7B	BH	2017-2019	10,000	10,000		Bệnh viện 7B
b	Công trình khởi công mới năm 2018			0			-
1	Trạm Y tế xã Nhân Nghĩa - huyện Cẩm Mỹ	CM	2018-2020	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế xã Phú Bình - huyện Tân Phú	TP	2018-2020	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Lang Minh - huyện Xuân Lộc	XL	2018-2020	4,000	4,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phước Khánh - huyện Nhơn Trạch	NT	2018-2020	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Hiếu Liêm - huyện Vĩnh Cửu	VC	2018-2010	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trạm Y tế xã Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu	VC	2018-2010	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế xã Phú Tân - huyện Định Quán	DQ	2018-2020	4,000	4,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế xã Trung Hòa - huyện Trảng Bom	TB	2018-2020	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Trạm Y tế xã Bàu Sen - thị xã Long Khánh	LK	2018-2020	5,000	5,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án mua sắm trang thiết bị y tế bổ sung cho Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai phục vụ đề án bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Nhi đồng 2 thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Đồng Nai (Ngân sách TW 15 tỷ + NST)	BH	2017-2020	25,000	25,000		Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
11	Dự án sửa chữa nâng cấp hệ thống điện, trạm biến áp và hệ thống chiếu sáng của Bệnh viện quân y 7B	BH	2018-2020	8,000	8,000		Bệnh viện quân y 7B
II	Giáo dục - đào tạo			526,426	526,426		-
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình năm 2018			0			-
1	Sửa chữa một số hạng mục trường THPT Nguyễn Hữu Cánh thành phố Biên Hòa	BH	2018-2020	1,000	1,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Công trình chuyển tiếp năm 2018			0			-

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2019	55,000	55,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Xây dựng Trường THPT Lê Hồng Phong	BH	2016-2018	20,000	20,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe loại I (tại huyện Trảng Bom)	TB	đến 2020	30,000	30,000		Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải
4	Dự án đầu tư thi điểm trường học tiến tiến hiện đại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020	ĐN	2017-2021	130,000	130,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	CM	2016-2018	7,426	7,426		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng trường thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	BH	2017-2019	22,000	22,000		Trường Đại học Đồng Nai
7	Trường THPT Kiêm Tân	TN	2017-2019	28,000	28,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Cải tạo sửa chữa trường Đoàn kết	TP	2017-2019	27,000	27,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Đầu tư Trang thiết bị tối thiểu cho các trường mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017-2020	ĐN	2017-2020	70,000	70,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Khối tiêu học và mầm non của trường Phổ thông thực hành sư phạm thuộc trường Đại học Đồng Nai	BH	2017-2021	27,000	27,000		Trường Đại học Đồng Nai
11	Khối lớp học 12 phòng và 3 phòng học chức năng, sửa chữa trường THPT Trại An	VC	2017-2019	15,000	15,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Nâng cao chất lượng dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (trong đó có vốn của 02 trường là 1,2 tỷ đồng).	BH	2017-2021	40,000	40,000		Sở Lao động và Thương binh xã hội
c	Công trình khởi công mới năm 2018						-
1	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá sinh viên trường Đại học Đồng Nai cơ sở 1	BH	2017-2019	18,000	18,000		Trường Đại học Đồng Nai
2	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Phú Ngọc	ĐQ	2018-2020	10,000	10,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học Trường chính trị tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2020	5,000	5,000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án xây dựng mới 12 phòng học Trường trung học phổ thông Long Phước, huyện Long Thành	LT	2018-2020	7,000	7,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Long Khánh thành Trường THPT chuyên Long Khánh	LK	2018-2020	10,000	10,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thông tin quản lý trường đại học Đồng Nai	BH	2018-2020	4,000	4,000		Trường đại học Đồng Nai

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
III	Văn hóa xã hội			157,800	157,800		-
a	Dự án lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018			0			-
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	20,000	20,000		Ban Quản lý di tích
2	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2021	2,000	2,000		UBND thị xã Long Khánh
b	Công trình chuyển tiếp năm 2018			0			-
1	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	10,000	10,000		UBND thị xã Long Khánh
2	Trang thiết bị cho hệ thống trung tâm lưu trữ, kiểm duyệt đtr liệu truyền hình	BH	2017-2019	9,000	9,000		Bài phát thanh truyền hình Đồng Nai
3	Trang thiết bị số hóa cho phòng tổng khống chế các kênh truyền hình	BH	2017-2019	9,000	9,000		Bài phát thanh truyền hình Đồng Nai
4	Trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, sân xuất chương trình cho 01 Studio truyền hình	BH	2017-2019	9,000	9,000		Bài phát thanh truyền hình Đồng Nai
5	Nhà thi đấu đa năng huyện Định Quán (NST hỗ trợ 100% xây lắp)	ĐQ	2017-2019	35,000	35,000		UBND huyện Định Quán
c	Công trình khởi công mới năm 2018			0			-
1	Xây dựng Nhà ở vận động viên và cải tạo, nâng cấp cảnh quan toàn Khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh	BH	2018-2020	10,000	10,000		Sở Văn hóa và Thể thao Du lịch
2	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	XL	2018-2022	40,000	40,000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án Tuyến đường vào cơ sở tiếp nhận, quản lý, cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (cơ sở mới) (NST phần XL 8,3 tỷ, còn lại NSH)	XL	2018-2020	8,200	8,200		UBND huyện Xuân Lộc
4	Trang thiết bị cho 04 phòng thu âm phát thanh - Đài truyền hình	BH	2018-2020	5,600	5,600		Bài phát thanh và Truyền hình Đồng Nai
B	Hoàn trả tạm ứng kho bạc nhà nước năm 2010			56,000	56,000		-
C	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội			10,000	10,000		-
D	Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư			5,000	5,000		-
I	Các dự án phê duyệt dự án đầu tư			0			
1	Xây dựng Trung tâm Pháp y và Trung tâm Giám định y khoa tỉnh	BH	2018-2022	600	600		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bộ chi 2018	
2	Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú (đã đầu tư 1 số hạng mục Nhà thi đấu, sân nền, công tường rào), NST đầu tư xây lắp + thiết bị khoảng 40 tỷ, phần còn lại kêu gọi XHH (hồ bơi, sân bóng đá, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...)	TP	2018-2022	525	525		UBND huyện Tân Phú
3	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	BH	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Tân Hạnh - Tp. Biên Hòa	BH	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Trạm Y tế xã Suối Cao - huyện Xuân Lộc	XL	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Trạm Y tế xã Bảo Vinh - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Trạm Y tế xã Thanh Bình - huyện Trảng Bom	TB	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	150	150		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
14	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	150	150		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
15	Trạm Y tế xã Nam Cát Tiên - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
16	Trạm Y tế xã Phú Lập - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
17	Trạm Y tế xã Tà Lài - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Kế hoạch năm 2018			Chủ đầu tư
				Tổng số năm 2018	Năm 2018	Bội chi 2018	
18	Trạm Y tế xã La Ngà - huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Trạm Y tế xã Long Thọ - Nhơn Trạch	NT	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
20	Trạm y tế xã Thanh Sơn huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
22	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
23	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
24	Xây dựng Nhà triển lãm và Văn phòng Trung tâm văn hóa thể thao thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	100	100		UBND thị xã Long Khánh
25	Trạm Y tế xã Xuân Hưng - huyện Xuân Lộc	XL	2019-2021	100	100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
26	Dự án Trang thiết bị phục hồi chức năng vật lý trị liệu của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	BH	2019-2021	100	100		Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh
27	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đông dân tộc xã Phú Bình	TP	2019-2021	150	150		UBND huyện Tân Phú
28	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đông dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	75	75		UBND huyện Tân Phú
29	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2022	650	650		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II	Bổ trí vốn lập hồ sơ chủ trương đầu tư			500	500		-